TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐIỆN BÀN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:49/2018/DS-ST
Ngày 14-5-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lương Thị Kim Anh;

Ông Trương Đắc Hưng.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam không tham gia phiên toà.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty T

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà R, Số 9 Đ, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Phạm Trung H, sinh năm 1984 và ông Trương Ngọc A, sinh năm 1981, cùng địa chỉ: Số 353 N, quận H, thành phố Đà Nẵng, là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày 05 tháng 4 năm 2018).

- *Bị đơn:* Bà Phùng Thị Kim T, sinh năm 1984

Trú tại: Số 686 T, khối N, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

(Ông Phạm Trung H có mặt, ông Trương Ngọc A và bà Phùng Thị Kim T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/11/2017 của Công ty T và quá trình giải quyết vụ án những người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 17/6/2015 bà Phùng Thị Kim T có ký hợp đồng tín dụng số 20150622-802002-0009 với Công ty T vay số tiền tổng cộng là 42.200.000 đồng, lãi suất 2.92%/tháng để tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay là 36 tháng, tính từ ngày 01/8/2015. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, bà Phùng Thị Kim T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty số tiền tổng cộng là 69.283.000 đồng, trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng thanh toán 1.909.000 đồng, tháng cuối cùng 2.468.000 đồng. Bà Phùng Thị Kim T đã nhận đủ số tiền vay của Công ty. Sau khi vay vốn, bà T đã thanh toán cho Công ty được 14 lần với số tiền tổng cộng là 31.117.000 đồng, trong đó nợ gốc là 19.478.928 đồng, nợ lãi là 11.638.072 đồng. Kể từ ngày 29/11/2017 bà T đã không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào, dù Công ty đã có nhiều biện pháp nhắc nhở. Nay Công ty T yêu cầu bà Phùng Thị Kim T phải có nghĩa vụ thanh toán một lần toàn bộ số nợ vay còn lại tổng cộng là 36.993.226 đồng, trong đó nợ gốc là 22.721.072 đồng, nợ lãi là 14.272.154 đồng (lãi vay tính đến ngày 01/02/2018). Sau ngày 0102/2018, đến khi bản án, quyết định của Tòa án buộc bị đơn trả nợ có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng không tính lãi cho bị đơn. Khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nếu bị đơn không thanh toán ngay thì phải chịu lãi chậm thanh toán theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Theo hợp đồng vay có ghi tên của ông Đặng Công N và bà Phùng Thị Kim H là những người tham chiếu, xác minh thông tin của người vay vốn bà T. Ông N và bà H không có nghĩa vụ dân sự gì đối với khoản nợ của bà T.

Bị đơn bà Phùng Thị Kim T trình bày:

Vào ngày 17/6/2015, bà Thảo có ký hợp đồng tín dụng số 20150622-802002-0009 với Công ty T vay số tiền tổng cộng là 42.200.000 đồng, lãi suất 2.92%/tháng, để tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay là 36 tháng, tính từ ngày 01/8/2015. Theo thỏa thuận tại hợp đồng thì bà T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty số tiền tổng cộng là 69.283.000 đồng, trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng thanh toán 1.909.000 đồng, tháng cuối cùng 2.468.000 đồng. Bà T đã nhận đủ số tiền vay của Công ty. Sau khi vay vốn, bà T đã thanh toán cho Công ty được 14 lần với số tiền tổng cộng là 31.117.000 đồng, trong đó thanh toán nợ gốc là 19.478.928 đồng, nợ lãi là 11.638.072 đồng. Kể từ ngày 29/11/2017, bà T không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào, dù Công ty đã có nhiều biện pháp nhắc nhở. Nay Công ty T yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ thanh toán một lần toàn bộ số nợ vay còn lại tổng cộng là 36.993.226 đồng, trong đó nợ gốc là 22.721.072 đồng, nợ lãi là 14.272.154 đồng (lãi vay tính đến ngày 01/02/2018) thì bà T thừa nhận còn nợ của Công ty số tiền tổng cộng gốc và lãi là 36.993.226 đồng. Hiện nay, bà T không có khả năng trả nợ ngay mà hẹn Công ty

thời gian sau sẽ trả số nợ gốc 22.721.072 đồng và đề nghị Công ty giảm tiền nợ lãi để có điều kiện trả nợ.

Theo hợp đồng vay có ghi tên của ông Đặng Công N và bà Phùng Thị Kim H là những người tham chiếu, xác minh thông tin của người vay vốn của tôi. Ông N và bà H không có nghĩa vụ dân sự gì đối với khoản nợ của tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Phùng Thị Kim T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 17/6/2015, giữa Công ty T và bà Phùng Thị Kim T có ký Hợp đồng tín dụng số 20150622-802002-0009. Theo đó, bà T vay của Công ty số tiền là 42.200.000đ (bốn mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng), lãi suất 2,92%/tháng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 01/8/2015, vay không có tài sản thế chấp. Bà T đã nhận đủ số tiền vay của Ngân hàng. Đây là hợp đồng hợp pháp.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng, bà Phùng Thị Kim T có trách nhiệm thanh toán hàng tháng tiền nợ gốc và nợ lãi cho Công ty trong 36 tháng với tổng số tiền phải thanh toán là 69.283.000đ. Trong đó, 35 tháng đầu mỗi tháng thanh toán: 1.909.000đ, tháng cuối cùng thanh toán 2.468.000đ, thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/8/2015.

Sau khi vay vốn, bà T đã thanh toán nợ cho Công ty được 14 lần với số tiền 31.117.000đ, trong đó, thanh toán nợ gốc là: 19.478.928đ và thanh toán nợ lãi là: 11.638.072đ. Do bà T không tiếp tục thanh toán cho Công ty theo thỏa thuận, vi phạm hợp đồng nên Công ty khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán số nợ gốc còn lại là: 22.721.072đ và nợ lãi tính đến ngày 01/02/2018 là: 14.272.154đ. Bà T thừa nhận còn nợ của Công ty số tiền vay cả gốc và lãi như Công ty yêu cầu thanh toán.

Việc bị đơn bà T thừa nhận số nợ mà bên nguyên đơn Công ty đưa ra để yêu cầu trả nợ thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Bà T đề nghị Công ty giảm tiền nợ lãi nhưng không được Công ty chấp nhận. Do đó, có căn cứ xác định bà T còn nợ của Công ty số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 36.993.226đ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay tổng cộng 36.993.226đ, trong đó: nợ gốc là 22.721.072đ và nợ lãi là 14.272.154đ (lãi suất tính đến ngày 01/02/2018).

Sau ngày 01/02/2018 đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi nợ tiền vay nên không xét. Bị đơn phải chịu lãi chậm thi hành án theo quy định của Bộ luật Dân sự theo yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T đối với bà Phùng Thị Kim T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Phùng Thị Kim T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T số tiền nợ vay tổng cộng là: 36.993.226đ (ba mươi sáu triệu chín trăm chín mươi ba ngàn hai trăm hai mươi sáu đồng), trong đó: nợ gốc là 22.721.072đ và nợ lãi là 14.272.154đ.

Về án phí: Bà Phùng Thị Kim T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.849.000đ (một triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn đồng). Công ty T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.087.000đ (một triệu không trăm tám mươi bản ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008845, ngày 25/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong án, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Trần Văn Sinh

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn ;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ.